

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI



BÀI VIẾT THÁNG 4/2026

“Xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ quý I/2026: Phục hồi chưa đồng đều giữa các thị trường”

Thuộc nhiệm vụ:

Truyền thông về các chính sách, giải pháp, hoạt động nhằm phát triển xuất nhập khẩu và công tác hội nhập, tận dụng cam kết quốc tế trên các bản tin và trang thông tin điện tử của Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại

Hà Nội, 2026

XUẤT KHẨU GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ QUÝ I/2026: PHỤC HỒI CHƯA ĐỒNG ĐỀU GIỮA CÁC THỊ TRƯỜNG

Sau giai đoạn phục hồi tích cực trong năm 2025, xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam trong quý I/2026 ghi nhận tín hiệu tăng trưởng trở lại nhưng tốc độ còn chậm. Trong bối cảnh nhu cầu tiêu dùng thế giới phục hồi chưa đồng đều, ngành gỗ đang đứng trước cả cơ hội mở rộng thị trường lẫn áp lực ngày càng lớn từ các tiêu chuẩn xanh và cạnh tranh quốc tế. Đáng chú ý, cơ cấu thị trường xuất khẩu đang có sự dịch chuyển khi xuất khẩu sang Trung Quốc và EU tăng mạnh, trong khi thị trường Mỹ tiếp tục suy giảm.

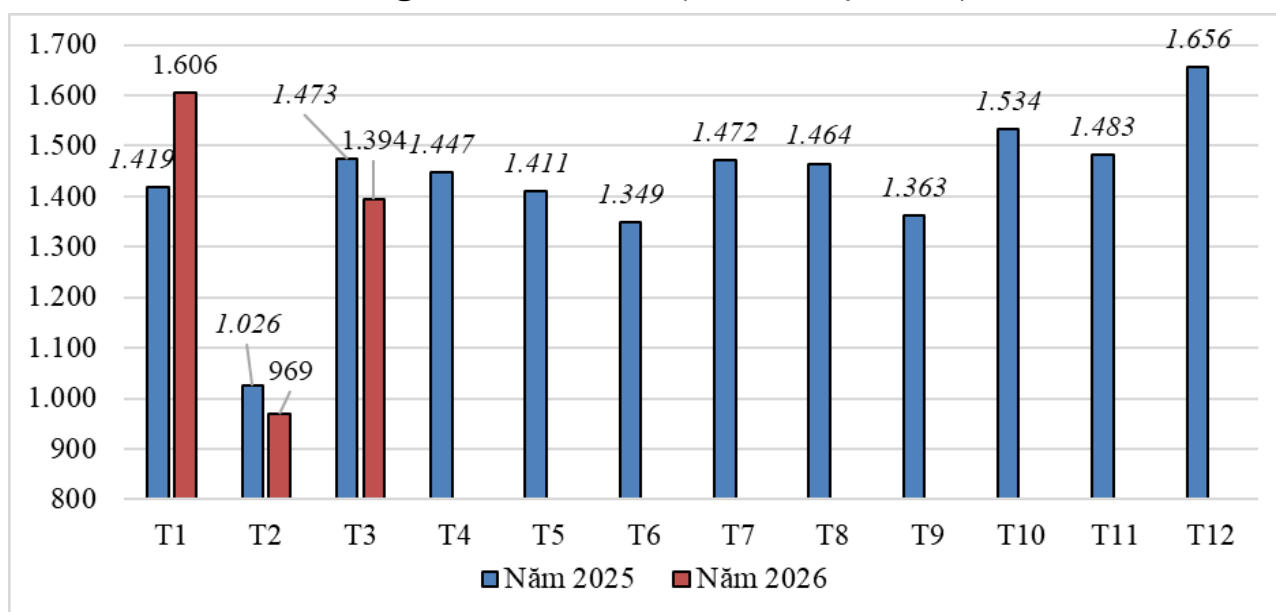
Ngành gỗ và sản phẩm gỗ Việt Nam đã kết thúc năm 2025 với kết quả xuất khẩu tương đối tích cực, tiếp tục khẳng định vai trò là một trong những ngành hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam. Theo số liệu của Cục Hải quan, tổng kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ trong năm 2025 đạt 17,2 tỷ USD, tăng 5,68% so với năm 2024 và chiếm khoảng 3,6% tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của cả nước. Trong năm 2025, xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ duy trì xu hướng phục hồi khá ổn định, đặc biệt trong những tháng cuối năm khi nhu cầu nhập khẩu tại các thị trường lớn như Mỹ, EU và Nhật Bản có dấu hiệu cải thiện. Đáng chú ý, kim ngạch xuất khẩu tháng 12/2025 đạt khoảng 1,66 tỷ USD - mức cao nhất trong năm, cho thấy sự phục hồi tích cực của hoạt động sản xuất và xuất khẩu của doanh nghiệp ngành gỗ.

Bước sang năm 2026, trong bối cảnh kinh tế thế giới được kỳ vọng phục hồi tích cực hơn, ngành gỗ Việt Nam đặt mục tiêu duy trì đà tăng trưởng xuất khẩu, mở rộng thị phần tại các thị trường trọng điểm như Mỹ, EU, Nhật Bản, Hàn Quốc và Trung Quốc. Đồng thời, toàn ngành hướng tới nâng cao giá trị gia tăng, phát triển sản xuất xanh, sử dụng nguyên liệu hợp pháp và đáp ứng các tiêu chuẩn bền vững ngày càng khắt khe của thị trường quốc tế. Tuy nhiên, hoạt động xuất khẩu của ngành vẫn đối mặt với nhiều khó khăn như nhu cầu tiêu dùng toàn cầu phục hồi chậm, áp lực cạnh tranh gia tăng, chi phí logistics còn ở mức cao và các yêu cầu mới liên quan đến truy xuất nguồn gốc, phát thải carbon và chống phá rừng. Trong bối cảnh đó, xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam trong quý I/2026 đã xuất hiện dấu hiệu phục hồi, tuy nhiên tốc độ tăng trưởng vẫn còn khiêm tốn.

Theo số liệu của Cục Hải quan, trong tháng 3/2026, xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam đạt 1,39 tỷ USD, tăng mạnh 43,8% so với tháng 2/2026 nhưng vẫn giảm 5,9% so với tháng 3/2025. Tính chung trong quý I/2026, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ đạt 3,99 tỷ USD, tăng nhẹ 1,1% so với cùng kỳ năm trước. Mặc dù vẫn duy trì tăng trưởng, song tỷ trọng của ngành gỗ trong tổng kim ngạch xuất khẩu cả nước giảm xuống còn 3,25%, thấp hơn đáng kể so với mức 3,8% của cùng kỳ năm 2025. Điều này cho thấy tốc độ tăng trưởng của ngành gỗ đang chậm hơn so với nhiều nhóm hàng xuất khẩu khác, đồng thời cho thấy thị trường tiêu thụ đồ gỗ thế giới vẫn chưa phục hồi đồng đều.

Diễn biến xuất khẩu trong quý I/2026 cho thấy xu hướng phục hồi theo chu kỳ khá rõ nét. Tháng 1/2026 đạt mức xuất khẩu cao nhờ doanh nghiệp đẩy mạnh giao hàng trước và ngay sau kỳ nghỉ cuối năm tại các thị trường nhập khẩu lớn. Tuy nhiên, sang tháng 2/2026, kim ngạch giảm mạnh do ảnh hưởng của kỳ nghỉ Tết Nguyên đán khiến hoạt động sản xuất, logistics và giao hàng bị gián đoạn. Đến tháng 3/2026, xuất khẩu đã tăng trở lại với tốc độ khá cao so với tháng trước, cho thấy hoạt động sản xuất và xuất khẩu dần ổn định. Dù vậy, mức giảm so với cùng kỳ năm 2025 cho thấy nhu cầu tiêu dùng tại các thị trường lớn vẫn còn yếu, đặc biệt ở phân khúc nội thất trung và cao cấp.

Biểu đồ 1: Xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam qua các tháng trong năm 2025-2026 (ĐVT: Triệu USD)



Nguồn: Cục Hải quan

Cơ cấu thị trường xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam trong những tháng đầu năm 2026 nhìn chung không có nhiều thay đổi so với cùng kỳ năm 2025, khi xuất khẩu vẫn tập trung chủ yếu vào các thị trường lớn và truyền thống như Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản, EU và Hàn Quốc. Trong đó, nhóm 5 thị trường xuất khẩu chủ lực này đạt tổng kim ngạch khoảng 3,49 tỷ USD trong quý I/2026, chiếm khoảng 87,4% tổng kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của cả nước. Mỹ tiếp tục là thị trường xuất khẩu lớn nhất của ngành gỗ Việt Nam, tuy nhiên tỷ trọng đã giảm từ 54,1% trong quý I/2025 xuống còn 49,1% trong quý I/2026. Trong khi đó, tỷ trọng xuất khẩu sang Trung Quốc và EU tăng lên đáng kể nhờ tốc độ tăng trưởng cao trong những tháng đầu năm. Điều này cho thấy hoạt động xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam đang có sự chuyển dịch theo hướng cân bằng hơn giữa các thị trường chủ lực, góp phần giảm bớt mức độ phụ thuộc quá lớn vào thị trường Mỹ như giai đoạn trước đó. Cụ thể như sau:

+ *Thị trường Mỹ*: Mỹ tiếp tục là thị trường xuất khẩu lớn nhất của ngành gỗ Việt Nam trong quý I/2026 với kim ngạch đạt 1,958 tỷ USD, chiếm 49,1% tổng kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của cả nước. Tuy nhiên, xuất khẩu sang thị trường này giảm 8,2% so với cùng kỳ năm 2025, trong khi riêng tháng 3/2026 giảm tới 16,2% so với tháng 3/2025. Đây là điểm đáng chú ý bởi Mỹ hiện vẫn là thị trường tiêu thụ đồ gỗ lớn nhất của Việt Nam. Sự sụt giảm này chủ yếu do nhu cầu mua sắm nội thất tại Mỹ phục hồi chậm trong bối cảnh người tiêu dùng tiếp tục thắt chặt chi tiêu và thị trường bất động sản chưa khởi sắc rõ rệt. Ngoài ra, lượng hàng tồn kho tại các nhà nhập khẩu và hệ thống bán lẻ vẫn ở mức cao khiến nhu cầu nhập khẩu mới chưa tăng mạnh.

+ *Thị trường Trung Quốc*: Ngược lại với Mỹ, xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang Trung Quốc tăng trưởng rất mạnh trong quý I/2026. Kim ngạch xuất khẩu sang thị trường này đạt 607,8 triệu USD, tăng 47,2% so với cùng kỳ năm trước. Riêng trong tháng 3/2026, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang Trung Quốc tăng tới 44,2% so với tháng 3/2025. Tỷ trọng của Trung Quốc trong tổng kim ngạch xuất khẩu ngành gỗ tăng mạnh từ 10,5% lên 15,2%. Đây là tín hiệu tích cực cho thấy nhu cầu nhập khẩu nguyên liệu gỗ, gỗ sơ chế và một số sản phẩm nội thất tại thị trường Trung Quốc đang phục hồi tương đối tốt sau giai đoạn suy giảm trước đó. Ngoài ra, lợi thế về khoảng cách địa lý, chi phí logistics thấp và hoạt động thương mại biên giới thuận lợi tiếp tục giúp doanh nghiệp Việt Nam gia tăng xuất khẩu sang thị trường này.

+ *Thị trường Nhật Bản*: Xuất khẩu sang Nhật Bản cũng duy trì tăng trưởng khá ổn

định. Trong quý I/2026, kim ngạch xuất khẩu sang Nhật Bản đạt 539,6 triệu USD, tăng 6,1% so với cùng kỳ năm trước và chiếm 13,5% tổng kim ngạch xuất khẩu toàn ngành. Nhật Bản tiếp tục là thị trường có nhu cầu ổn định đối với các sản phẩm đồ gỗ nội thất, đồ gỗ gia dụng và nguyên liệu gỗ chất lượng cao. Đáng chú ý, thị trường này có yêu cầu khá nghiêm ngặt về chất lượng, nguồn gốc nguyên liệu và tiêu chuẩn môi trường, do đó việc duy trì tăng trưởng tại Nhật Bản cho thấy doanh nghiệp gỗ Việt Nam đang từng bước đáp ứng tốt hơn các yêu cầu của thị trường cao cấp.

+ *Thị trường EU*: Một trong những điểm nổi bật của ngành gỗ trong quý I/2026 là sự phục hồi mạnh của thị trường EU. Kim ngạch xuất khẩu sang EU đạt 235,6 triệu USD, tăng 46,5% so với cùng kỳ năm 2025. Nhiều thị trường trong khối ghi nhận tốc độ tăng trưởng rất cao như Italia tăng 127,7%, Hà Lan tăng 112,9%, Bỉ tăng 87,4%, Slovenia tăng 109,6%, Phần Lan tăng 486,8% và Litva tăng 332,9%. Điều này cho thấy nhu cầu nhập khẩu đồ gỗ tại châu Âu đang cải thiện sau giai đoạn suy giảm kéo dài trong năm 2024 và đầu năm 2025. Đồng thời, việc Hiệp định EVFTA tiếp tục được khai thác hiệu quả cũng tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp Việt Nam mở rộng thị phần tại khu vực này. Tuy nhiên, EU cũng là thị trường đang áp dụng nhiều quy định nghiêm ngặt liên quan đến phát triển bền vững, đặc biệt là Quy định chống phá rừng của EU (EUDR). Vì vậy, dù triển vọng tăng trưởng tích cực, doanh nghiệp xuất khẩu gỗ vẫn phải đối mặt với áp lực lớn trong việc đáp ứng yêu cầu truy xuất nguồn gốc nguyên liệu và giảm phát thải carbon.

Ngoài ra, tại khu vực châu Á, xuất khẩu sang Hàn Quốc tiếp tục giảm khá mạnh. Trong quý I/2026, kim ngạch xuất khẩu sang Hàn Quốc đạt 148,3 triệu USD, giảm 20,5% so với cùng kỳ năm trước. Đây là thị trường tiêu thụ đồ gỗ nội thất và gỗ xây dựng quan trọng của Việt Nam, tuy nhiên nhu cầu nhập khẩu hiện vẫn chịu tác động từ thị trường bất động sản và tiêu dùng nội địa chưa phục hồi mạnh. Một số thị trường ASEAN cũng ghi nhận diễn biến trái chiều. Xuất khẩu sang Malaysia gần như đi ngang với mức tăng 0,2%, trong khi Indonesia giảm 23,1%, Singapore giảm 37,5% và Thái Lan giảm 23%. Ngược lại, Campuchia tăng 23,2% và Lào tăng rất mạnh tới 282,5%, dù quy mô kim ngạch còn nhỏ.

Đối với các thị trường ngoài truyền thống, xuất khẩu sang Mexico tăng mạnh 80,1%, Canada tăng 6,6% và Anh tăng 13,3%. Điều này cho thấy doanh nghiệp Việt Nam đang có xu hướng đa dạng hóa thị trường nhằm giảm phụ thuộc vào Mỹ. Việc tận

dụng các hiệp định thương mại tự do như CPTPP và UKVFTA tiếp tục tạo lợi thế cạnh tranh cho hàng gỗ Việt Nam tại các thị trường này.

Bảng: Xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam sang các thị trường trong tháng 3 và 3 tháng đầu năm 2026

Thị trường	Tháng 3/2026 (nghìn USD)	So với tháng 2/2026 (%)	So với tháng 3/2025 (%)	3 tháng năm 2026 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2025 (%)	Tỷ trọng (%)	
						3 tháng năm 2026	3 tháng năm 2025
Tổng	1.393.726	43,8	-5,9	3.989.103	1,1	100	100
Mỹ	697.551	54,3	-16,2	1.958.402	-8,2	49,1	54,1
Trung Quốc	215.977	33,2	44,2	607.819	47,2	15,2	10,5
Nhật Bản	190.404	42,7	2,9	539.643	6,1	13,5	12,9
EU	75.483	2	33	235.609	46,5	5,9	4,1
<i>Hà Lan</i>	<i>12.073</i>	<i>-41,1</i>	<i>54,2</i>	<i>43.615</i>	<i>112,9</i>	<i>1,1</i>	<i>0,5</i>
<i>Đức</i>	<i>9.683</i>	<i>-11,4</i>	<i>26,1</i>	<i>34.850</i>	<i>32,4</i>	<i>0,9</i>	<i>0,7</i>
<i>Pháp</i>	<i>10.738</i>	<i>9,5</i>	<i>14,4</i>	<i>34.628</i>	<i>24,5</i>	<i>0,9</i>	<i>0,7</i>
<i>Bỉ</i>	<i>10.465</i>	<i>46,1</i>	<i>81,8</i>	<i>28.528</i>	<i>87,4</i>	<i>0,7</i>	<i>0,4</i>
<i>Tây Ban Nha</i>	<i>8.606</i>	<i>48,5</i>	<i>-7,4</i>	<i>23.406</i>	<i>7,5</i>	<i>0,6</i>	<i>0,6</i>
<i>Ba Lan</i>	<i>6.477</i>	<i>92,8</i>	<i>82,5</i>	<i>14.230</i>	<i>49,6</i>	<i>0,4</i>	<i>0,2</i>
<i>Italia</i>	<i>2.785</i>	<i>-13,3</i>	<i>41,3</i>	<i>10.469</i>	<i>127,7</i>	<i>0,3</i>	<i>0,1</i>
<i>Thụy Điển</i>	<i>3.375</i>	<i>26,2</i>	<i>3,5</i>	<i>10.357</i>	<i>16</i>	<i>0,3</i>	<i>0,2</i>
<i>Đan Mạch</i>	<i>3.817</i>	<i>102,8</i>	<i>66,3</i>	<i>9.530</i>	<i>16,1</i>	<i>0,2</i>	<i>0,2</i>
<i>Ai Len</i>	<i>2.018</i>	<i>0,2</i>	<i>-1,7</i>	<i>6.814</i>	<i>12</i>	<i>0,2</i>	<i>0,2</i>
<i>Rumani</i>	<i>1.315</i>	<i>-11,2</i>	<i>47</i>	<i>4.313</i>	<i>15,2</i>	<i>0,1</i>	<i>0,1</i>
<i>Bồ Đào Nha</i>	<i>664</i>	<i>-51</i>	<i>1,9</i>	<i>3.385</i>	<i>96,3</i>	<i>0,1</i>	<i>0</i>
<i>Bungari</i>	<i>442</i>	<i>-32,3</i>	<i>22,1</i>	<i>1.655</i>	<i>55,6</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
<i>Slovenia</i>	<i>435</i>	<i>31</i>	<i>62,6</i>	<i>1.634</i>	<i>109,6</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
<i>Hy Lạp</i>	<i>609</i>	<i>19</i>	<i>59,5</i>	<i>1.608</i>	<i>58,8</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
<i>Látvia</i>	<i>582</i>	<i>152,7</i>	<i>88,4</i>	<i>1.128</i>	<i>81,8</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
<i>Phần Lan</i>	<i>405</i>	<i>26,7</i>	<i>756,4</i>	<i>1.102</i>	<i>486,8</i>	<i>0</i>	<i>0</i>

Thị trường	Tháng 3/2026 (nghìn USD)	So với tháng 2/2026 (%)	So với tháng 3/2025 (%)	3 tháng năm 2026 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2025 (%)	Tỷ trọng (%)	
						3 tháng năm 2026	3 tháng năm 2025
CH. Séc	412	43,6	56,9	1.085	71,7	0	0
Áo	82	-85	-33	876	37,4	0	0
Litva	108	-79,3	28,4	829	332,9	0	0
Síp	121	-2,4	304,7	456	82,7	0	0
Hàn Quốc	52.735	41,4	-21,5	148.325	-20,5	3,7	4,7
Canada	24.084	42	3,2	71.494	6,6	1,8	1,7
Anh	22.212	23,9	9,3	67.604	13,3	1,7	1,5
Indonesia	14.789	92,7	-36,4	49.134	-23,1	1,2	1,6
Malaysia	14.206	102,6	-15,2	37.918	0,2	1	1
Australia	10.995	18,3	-14,9	34.054	5,2	0,9	0,8
Mexico	9.697	94,9	86,1	23.470	80,1	0,6	0,3
Thái Lan	5.659	10,8	-23	22.409	15,9	0,6	0,5
Campuchia	6.746	116,6	16,1	17.038	23,2	0,4	0,4
Ấn Độ	5.883	72,8	9,1	17.110	-64,3	0,4	1,2
Reunion	4.899	27,7	-31,6	13.538	-35,3	0,3	0,5
Đài Loan	4.223	75,3	-18,2	11.342	-32,8	0,3	0,4
Ả Rập Xê út	914	-76,4	-83,4	10.803	-17,7	0,3	0,3
Singapore	2.575	39,4	-52,8	8.344	-37,5	0,2	0,3
New Zealand	1.065	-23,1	-25,2	7.964	109	0,2	0,1
UAE	85	-97,5	-97,6	6.950	-12,8	0,2	0,2
Philippine	1.882	52,2	-19,4	5.155	-13,9	0,1	0,2
Puerto Rico	1.282	12,2	-38,5	3.855	-11,5	0,1	0,1
Lào	1.151	106,7	268,6	2.482	282,5	0,1	0
Ixraen	651	-15,4	1,3	1.921	-12,8	0	0,1

Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê của Cục Hải quan

Cơ cấu chủng loại mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam:

Cơ cấu chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ xuất khẩu của Việt Nam trong quý I/2026 nhìn chung không nhiều biến động so với cùng kỳ năm trước, trong đó các nhóm sản phẩm nội thất và nguyên liệu gỗ vẫn chiếm tỷ trọng chủ đạo trong tổng kim ngạch xuất khẩu. Tuy nhiên, xu hướng xuất khẩu trong những tháng đầu năm cho thấy sự phân hóa khá rõ giữa nhóm sản phẩm nguyên liệu, bán thành phẩm với nhóm sản phẩm nội thất.

Nhóm mặt hàng có tỷ trọng lớn nhất tiếp tục là ghế khung gỗ với kim ngạch đạt 937,9 triệu USD trong quý I/2026, tăng 5,2% so với cùng kỳ năm 2025 và chiếm 23,5% tổng kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của cả nước, cao hơn mức 22,6% của cùng kỳ năm trước. Đây vẫn là mặt hàng xuất khẩu chủ lực của ngành gỗ Việt Nam nhờ nhu cầu ổn định tại các thị trường lớn như Mỹ, EU và Nhật Bản. Trong tháng 3/2026, xuất khẩu ghế khung gỗ đạt 330,7 triệu USD, tăng mạnh 43,2% so với tháng trước, cho thấy đơn hàng bắt đầu phục hồi sau giai đoạn thấp điểm đầu năm.

Đáng chú ý, nhóm nguyên liệu và bán thành phẩm như dăm gỗ, gỗ – ván – ván sàn và gỗ viên nén ghi nhận tốc độ tăng trưởng khá tích cực trong quý I/2026. Trong đó, xuất khẩu dăm gỗ đạt 683,7 triệu USD, tăng 9,7% so với cùng kỳ năm trước và chiếm 17,1% tổng kim ngạch xuất khẩu toàn ngành, tăng so với mức 15,8% của cùng kỳ năm 2025. Xuất khẩu gỗ, ván và ván sàn đạt 582 triệu USD, tăng mạnh 18%, nâng tỷ trọng từ 12,5% lên 14,6%. Đây là nhóm mặt hàng có tốc độ tăng trưởng cao nhất trong các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của ngành gỗ. Nguyên nhân chủ yếu do nhu cầu nhập khẩu nguyên liệu phục vụ sản xuất tại Trung Quốc và một số thị trường châu Á phục hồi khá mạnh trong những tháng đầu năm 2026. Bên cạnh đó, xuất khẩu gỗ viên nén đạt 287,9 triệu USD, tăng 7,6% so với cùng kỳ năm trước, tiếp tục cho thấy nhu cầu năng lượng sinh khối tại các thị trường như Nhật Bản và Hàn Quốc vẫn duy trì ổn định.

Ngược lại, nhóm đồ gỗ nội thất hoàn chỉnh lại ghi nhận xu hướng giảm trong quý I/2026. Xuất khẩu đồ nội thất phòng khách và phòng ăn đạt 559,7 triệu USD, giảm 11% so với cùng kỳ năm trước và tỷ trọng giảm từ 15,9% xuống còn 14%. Tương tự, xuất khẩu đồ nội thất phòng ngủ đạt 446,5 triệu USD, giảm 8,2%; đồ nội thất nhà bếp đạt 254,3 triệu USD, giảm 16%; đồ nội thất văn phòng đạt 65,5 triệu USD, giảm 23,4%. Điều này cho thấy nhu cầu tiêu dùng đối với nhóm hàng nội thất tại các thị trường lớn, đặc biệt là Mỹ và EU, vẫn phục hồi khá chậm do người tiêu dùng tiếp tục thắt chặt chi

tiêu trong bối cảnh kinh tế còn nhiều bất ổn. Đồng thời, đây cũng là nhóm sản phẩm chịu tác động mạnh từ lượng hàng tồn kho cao tại các hệ thống bán lẻ quốc tế.

Một số nhóm sản phẩm có quy mô nhỏ tiếp tục giảm như đồ gỗ mỹ nghệ giảm 24,7%, khung gương giảm 7,3% và cửa gỗ giảm 2,1%. Mặc dù chiếm tỷ trọng không lớn trong tổng kim ngạch xuất khẩu, nhưng sự sụt giảm của các mặt hàng này cho thấy nhu cầu đối với các sản phẩm trang trí và thủ công mỹ nghệ vẫn chưa phục hồi rõ rệt.

Một số chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ xuất khẩu trong tháng 3 và 3 tháng năm 2026

Mặt hàng	Tháng 3/2026 (nghìn USD)	So với tháng 2/2026 (%)	So với tháng 3/2025 (%)	3 tháng năm 2026 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2025 (%)	Tỷ trọng (%)	
						3 tháng năm 2026	3 tháng năm 2025
Tổng	1.393.726	43,8	-5,9	3.989.103	1,1	100	100
Ghế khung gỗ	330.675	43,2	-1,3	937.916	5,2	23,5	22,6
Dăm gỗ	239.436	22,6	10	683.715	9,7	17,1	15,8
Gỗ, ván và ván sàn	209.944	57,1	8,9	582.011	18	14,6	12,5
Đồ nội thất phòng khách và phòng ăn	196.490	46,1	-18,1	559.699	-11	14	15,9
Đồ nội thất phòng ngủ	154.282	56,7	-14,6	446.536	-8,2	11,2	12,3
Gỗ viên nén	92.000	23,5	-4	287.916	7,6	7,2	6,8

Nguồn: Thống kê sơ bộ từ số liệu của Cục Hải quan

Một số chính sách, quy định tác động đến xuất khẩu hàng gỗ và sản phẩm gỗ trong năm 2026:

Trong năm 2026, hoạt động xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam tiếp tục

chịu tác động đáng kể từ nhiều chính sách và quy định mới tại các thị trường nhập khẩu lớn, đặc biệt là EU và Mỹ. Các quy định này chủ yếu tập trung vào truy xuất nguồn gốc nguyên liệu, phát triển bền vững, giảm phát thải carbon và phòng vệ thương mại, qua đó làm gia tăng yêu cầu tuân thủ đối với doanh nghiệp xuất khẩu gỗ của Việt Nam.

Đáng chú ý nhất là Quy định chống suy thoái rừng của EU (EUDR), dự kiến chính thức áp dụng từ ngày 30/12/2026 đối với doanh nghiệp lớn và vừa nhập khẩu vào EU. Theo quy định này, các sản phẩm gỗ xuất khẩu vào EU phải chứng minh không có nguồn gốc từ diện tích rừng bị phá hoặc suy thoái sau ngày 31/12/2020. Doanh nghiệp phải cung cấp đầy đủ thông tin truy xuất nguồn gốc, bao gồm tọa độ địa lý vùng nguyên liệu, hồ sơ chuỗi cung ứng và tài liệu chứng minh tính hợp pháp của gỗ. Đây được xem là thách thức lớn đối với ngành gỗ Việt Nam do nguồn nguyên liệu vẫn còn phụ thuộc vào nhiều hộ sản xuất nhỏ lẻ và dữ liệu truy xuất chưa đồng bộ.

Ngoài EUDR, EU cũng đang triển khai nhiều quy định xanh mới như Hộ chiếu sản phẩm số (Digital Product Passport – DPP) và các quy định hạn chế hành vi “tẩy xanh” trong quảng cáo sản phẩm. Theo đó, doanh nghiệp xuất khẩu sẽ phải minh bạch hơn về dữ liệu sản phẩm, nguồn gốc nguyên liệu, lượng phát thải carbon và vòng đời sản phẩm. Các yêu cầu này sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến ngành gỗ và nội thất, nhất là các doanh nghiệp xuất khẩu vào chuỗi bán lẻ lớn tại châu Âu.

Tại thị trường Mỹ, nguy cơ điều tra phòng vệ thương mại tiếp tục là vấn đề đáng lưu ý đối với ngành gỗ Việt Nam. Trong thời gian gần đây, phía Mỹ tiếp tục tăng cường các biện pháp điều tra chống bán phá giá, chống trợ cấp và chống lẩn tránh thuế đối với một số sản phẩm gỗ và nội thất nhập khẩu. Điều này buộc doanh nghiệp Việt Nam phải chủ động minh bạch thông tin xuất xứ nguyên liệu, kiểm soát tốt chuỗi cung ứng và nâng cao năng lực tuân thủ các quy định thương mại quốc tế nhằm hạn chế rủi ro bị áp thuế hoặc điều tra thương mại.

Bên cạnh đó, xu hướng tiêu dùng xanh và yêu cầu phát triển bền vững tại các thị trường nhập khẩu lớn đang khiến các tiêu chuẩn môi trường trở thành yếu tố cạnh tranh quan trọng đối với ngành gỗ Việt Nam. Trong bối cảnh đó, doanh nghiệp xuất khẩu gỗ không chỉ cạnh tranh về giá và chất lượng sản phẩm mà còn phải đáp ứng

yêu cầu về tính hợp pháp của nguyên liệu, phát thải carbon thấp, sử dụng vật liệu tái chế và minh bạch dữ liệu chuỗi cung ứng. Điều này đòi hỏi ngành gỗ Việt Nam phải đẩy mạnh chuyển đổi xanh, hoàn thiện hệ thống truy xuất nguồn gốc và nâng cao năng lực quản trị để duy trì khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế.

Đánh giá triển vọng:

Triển vọng xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam trong quý II/2026 nhìn chung khá tích cực nhờ nhu cầu nhập khẩu tại một số thị trường lớn như Trung Quốc, EU và Nhật Bản đang dần cải thiện. Kết quả xuất khẩu phục hồi mạnh trong tháng 3/2026 cho thấy hoạt động sản xuất và giao hàng của doanh nghiệp đã ổn định trở lại sau giai đoạn thấp điểm đầu năm, tạo nền tảng thuận lợi cho tăng trưởng trong các tháng tiếp theo.

Trong quý II/2026, xuất khẩu sang Trung Quốc và EU nhiều khả năng tiếp tục duy trì đà tăng trưởng tốt nhờ nhu cầu nhập khẩu nguyên liệu gỗ, đồ nội thất và sản phẩm phục vụ xây dựng tăng trở lại. Bên cạnh đó, việc tận dụng các hiệp định thương mại tự do như EVFTA và CPTPP tiếp tục tạo lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp Việt Nam tại nhiều thị trường.

Đối với thị trường Mỹ, dù nhu cầu tiêu dùng chưa phục hồi mạnh và áp lực phòng vệ thương mại vẫn hiện hữu, đây vẫn sẽ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của ngành gỗ Việt Nam trong thời gian tới. Ngoài ra, xu hướng đa dạng hóa thị trường xuất khẩu sang Canada, Anh, Mexico và Trung Đông được kỳ vọng sẽ giúp doanh nghiệp giảm bớt phụ thuộc vào một số thị trường truyền thống.

Về định hướng thời gian tới, toàn ngành đặt mục tiêu kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ đạt khoảng 18-19 tỷ USD trong năm 2026, cao hơn mức 17,2 tỷ USD đạt được trong năm 2025. Kết quả xuất khẩu quý I/2026 đạt gần 4 tỷ USD cùng lượng đơn hàng được đánh giá khá tích cực đến giữa năm đang tạo cơ sở thuận lợi để ngành gỗ hướng tới mục tiêu tăng trưởng trong năm nay.

Để hiện thực hóa mục tiêu này, doanh nghiệp ngành gỗ sẽ cần tiếp tục đẩy mạnh đầu tư công nghệ, chuyển đổi xanh, chuyển đổi số, nâng cao tỷ lệ chế biến sâu và gia tăng giá trị sản phẩm. Bên cạnh đó, việc mở rộng khai thác các thị trường còn nhiều dư địa như Trung Đông, Ấn Độ, Canada và Mexico cũng được xem là hướng đi quan trọng nhằm giảm phụ thuộc vào một số thị trường truyền thống. Đồng thời, xu hướng

chuyển dịch từ mô hình sản xuất gia công truyền thống (B2B) sang phát triển thương hiệu và phân phối trực tiếp tới người tiêu dùng (B2C) được kỳ vọng sẽ góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và vị thế của ngành gỗ Việt Nam trên thị trường quốc tế.

Tuy nhiên, ngành gỗ vẫn phải đối mặt với nhiều thách thức như yêu cầu ngày càng khắt khe về truy xuất nguồn gốc, phát triển bền vững, chi phí logistics và áp lực cạnh tranh quốc tế gia tăng. Trong bối cảnh đó, việc đáp ứng tốt các tiêu chuẩn môi trường, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển sản xuất theo hướng bền vững sẽ là yếu tố quan trọng giúp ngành gỗ duy trì tăng trưởng xuất khẩu trong quý II/2026 và các quý tiếp theo.